



PHỤ LỤC
ATTACHMENT

(Kèm theo quyết định số: 4307/QĐ-VACI ngày 18 tháng 03 năm 2023
của Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam)

Tên phòng thử nghiệm: **Phòng Thử nghiệm Than – Khoáng sản**

Laboratory: **Coal - Mineral Testing Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH ALPHA CONTROL**

Organization: **ALPHA CONTROL INSPECTION JOINT STOCK COMPANY**

Lĩnh vực: **Hóa học**

Field of testing: **Chemical**

Người phụ trách/ Representative: **Nguyễn Anh Dũng**

Người có thẩm quyền ký/ Approved signatory:

STT	Họ và tên/Full name	Phạm vi được ký/Scope
1.	Nguyễn Anh Dũng	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
2.	Lê Hồng Sơn	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>
3.	Ngô Thành Trung	Tất cả các phép thử được công nhận <i>All accredited tests</i>

Số hiệu/Code: **VALAS 093**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **17/03/2028**

Địa chỉ văn phòng/Headquarters:

Tổ 17, Khu 2A, phường Cao Thắng, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Group 17, Zone 2A, Cao Thang ward, Ha Long city, Quang Ninh province, Vietnam.

Địa chỉ phòng thí nghiệm/Lab Location: :

Xóm 1, Khu dân cư Hiệp Thượng, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Hamlet 1, Hiep Thuong Residential Area, Hiep Son ward, Kinh Mon town, Hai Duong province, Vietnam.

Số điện thoại/Phone: **0982 156 606**

Fax:

E-Mail: **dungna@alphacontrol.vn**

Website:

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa học
Field of testing: Chemical

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử Materials or products tested	Tên phương pháp thử cụ thể Name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/ range of measurement	Phương pháp thử Test methods
1.	Than và Coke Coal and Coke	Xác định hàm lượng ẩm toàn phần Determination of total moisture	\	TCVN 172:2019 (ISO 589:2008)
2.		Xác định độ ẩm trong mẫu phân tích chung Determination of moisture in general analysis test sample	\	TCVN 4919:2007 (ISO 687:2004)
3.		Xác định hàm lượng tro Determination of ash	\	TCVN 173: 2011 (ISO 1171: 2010)
4.		Xác định hàm lượng chất bốc Determination of Volatile matter content	\	TCVN 174: 2011 (ISO 562:2010)
5.		Xác định hàm lượng các bon cố định Determination of fixed carbon content	\	TCVN 9813:2013 (ISO 17246:2010)
6.		Xác định lưu huỳnh bằng Phương pháp điện phân Determination of total sulfur by coulomb titration Method	Đến 14% Up to 14%	ISO 20336: 2017
7.		Xác định trị số toả nhiệt toàn phần bằng phương pháp bom đo nhiệt lượng. Determination of gross calorific value by the calorimeter bomb method & calculation of net calorific value.	Đến 8000 cal/g Up to 8000 cal/g	TCVN 200: 2011 (ISO 1928:2009)
8.		Phân tích cỡ hạt Size analysis by sieving	\	TCVN 251:2018 (ISO 1953:2015)



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VALAS 093

STT No.	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/ range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
9.	Than và Coke <i>Coal and Coke</i>	Than - Phương pháp xác định tỷ lệ Dưới cỡ hoặc trên cỡ <i>Coal – Method for Determination of Undersized or Oversized proportions</i>	\	TCVN 4307: 2005

Ghi chú / Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam / *Vietnam Standards*;
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế / *International Organization for Standardization*.

CHẤY LƯỚI